

Đơn Dương, ngày 26 tháng 4 năm 2023

Số: 36 /2023/QĐST – DS

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 213, 620, 623, 649, 651 Bộ luật Dân sự;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016;
Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 14 tháng 4 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 224/2022/TLST – DS ngày 07/11/2023.

Căn cứ vào đơn đề nghị công nhận kết quả hòa giải thành của anh Nguyễn Minh H gửi đến Tòa án ngày 17/4/2023.

Căn cứ vào đơn đề nghị công nhận kết quả hòa giải thành của bà Đinh Thị V gửi đến Tòa án ngày 18/4/2023.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành, đơn đề nghị công nhận kết quả hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị công nhận kết quả hòa giải thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: bà Đinh Thị V, sinh năm: 1939; Địa chỉ: số 24 thôn H 1, xã K, huyện Đ, Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Đặng Thị Mỹ Nh, sinh năm: 1988; Địa chỉ: 194 Hai Bà Trưng, phường 6, TP. Đà Lạt, Lâm Đồng.

Bị đơn: Ông Nguyễn Minh Th, sinh năm: 1975; Địa chỉ: số 07 Đoàn Thị Điểm, thị trấn M, huyện Đ, Lâm Đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1.1. Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm: 1957; địa chỉ: thôn H, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

1.2. Ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm: 1959; địa chỉ: thôn N1, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

1.3. Ông Nguyễn Minh T, sinh năm: 1962; địa chỉ: thôn H 1, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

1.4. Ông Nguyễn Minh Quốc D, sinh năm: 1963; địa chỉ: thôn H 1, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

1.5. Bà Nguyễn Thị Tuyết Ngọc L, sinh năm: 1965; địa chỉ: số 769/12/9 CMT8 ph6, quận T, TP. Hồ Chí Minh.

1.6. Ông Nguyễn Minh T, sinh năm: 1967; địa chỉ: thôn H 1, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

1.7. Bà Nguyễn Bạch Thủy T, sinh năm: 1969; địa chỉ: thôn N1, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

1.8. Ông Nguyễn Minh T, sinh năm: 1971; địa chỉ: thôn N1, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

1.9. Ông Nguyễn Minh H, sinh năm: 1973; địa chỉ: 67 thôn H 1, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

1.10. Bà Nguyễn Thị Kim Ph, sinh năm: 1980; địa chỉ: 96 Nguyễn Duy, phường 9, quận 8, TP. Hồ Chí Minh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Công nhận sự thỏa thuận của bà Đinh Thị V cùng các hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Minh Đ gồm các anh chị Nguyễn Minh Th, Nguyễn Thị Ngọc H; Nguyễn Minh Đ; Nguyễn Minh T; Nguyễn Minh Quốc D; Nguyễn Thị Tuyết Ngọc L; Nguyễn Bạch Thủy T; Nguyễn Minh T; Nguyễn Thị Kim Ph; Nguyễn Minh T, Nguyễn Minh H về việc phân chia tài sản chung và chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Minh Đ.

2.2 Thống nhất xác định di sản thừa kế của ông Nguyễn Minh Đ để lại trong khối tài sản chung với bà Đinh Thị V gồm 01 căn nhà xây cấp 4 diện tích 58m² và diện tích đất qua đo đạc thực tế là 92m² (76m² ONT + 16m² HNK) thuộc thửa đất 749 tờ bản đồ số 14 xã Ka Đô (Theo giấy chứng nhận QSD đất số P 782727 do UBND huyện Đơn Dương cấp ngày 17/4/2000 được cấp là 76m² đất thổ cư). Tổng giá trị tài sản là 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng)

2.3. Bà Đinh Thị V và các hàng thừa kế của ông Nguyễn Minh Đ gồm các anh chị Nguyễn Minh Th, Nguyễn Thị Ngọc H; Nguyễn Minh Đ; Nguyễn Minh T; Nguyễn Minh Quốc D; Nguyễn Thị Tuyết Ngọc L; Nguyễn Bạch Thủy T; Nguyễn Minh T; Nguyễn Thị Kim Ph; Nguyễn Minh T, Nguyễn Minh H thống nhất thỏa thuận bà Đinh Thị V được hưởng ½ giá trị tài sản trong khối tài sản chung với ông Nguyễn Minh Đ.

2.4. Các anh chị Nguyễn Thị Ngọc H; Nguyễn Minh Đ; Nguyễn Minh T; Nguyễn Minh Quốc D; Nguyễn Thị Tuyết Ngọc L; Nguyễn Bạch Thủy T; Nguyễn Minh T; Nguyễn Thị Kim Ph; Nguyễn Minh T đều thống nhất từ chối nhận di sản thừa kế và nhường kỷ phần thừa kế được nhận cho bà Đinh Thị V.

2.5. Giao cho bà Đinh Thị V được toàn quyền quản lý, sử dụng diện tích đất qua đo đạc thực tế là 92m² (76m² ONT + 16m² HNK) thuộc thửa đất 749 tờ bản

đồ số 14 xã Ka Đô (Theo giấy chứng nhận QSD đất số P 782727 do UBND huyện Đơn Dương cấp ngày 17/4/2000 được cấp là 76m² đất thổ cư) cùng tài sản trên đất gồm 01 căn nhà xây cấp 4 diện tích 58m². (Kèm theo bản vẽ đo đạc hiện trạng do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đơn Dương cung cấp ngày 31/01/2023).

2.6. Bà Đinh Thị V có nghĩa vụ thanh toán cho anh Nguyễn Minh Th, anh Nguyễn Minh H mỗi người 01 kỳ phần thừa kế bằng tiền là 83.000.000đ. (Tám mươi ba triệu đồng). Bà Đinh Thị V đã thanh toán xong nghĩa vụ thanh toán kỳ phần thừa kế cho anh Nguyễn Minh Th, Nguyễn Minh H.

2.7. Bà Đinh Thị V được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kê khai cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2.8. Về án phí: Theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009, bà Đinh Thị V là người cao tuổi. Bà Đinh Thị V có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Đinh Thị V. Anh Nguyễn Minh Th, Nguyễn Minh H mỗi người phải chịu 2.075.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm trên kỳ phần thừa kế được chia. Bà Đinh Thị V thỏa thuận nhận chịu nộp thay số tiền án phí dân sự sơ thẩm cho anh Nguyễn Minh Th, Nguyễn Minh H. Căn cứ khoản 3 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội, bà Đinh Thị V phải nộp tổng số tiền án phí dân sự sơ thẩm nhận chịu nộp thay là 4.150.000đ (Bốn triệu một trăm năm mươi ngàn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đơn Dương;
- THADS huyện Đơn Dương;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

THẨM PHÁN

Lê Thị Kim Ngân

